

PHẬT THUYẾT VU-LAN-BỒN KINH SỚ

QUYỂN 2

4. Chính giải thích văn kinh:

Trong chính giải văn kinh có hai:

Ban đầu giải thích đề mục; hai là giải thích văn bản.

1. Trước giải thích đề mục: Phật nói kinh Vu-lan-bồn. Kinh này gồm có ba bản dịch.

(Võ Đế Đời Tấn, sát pháp sư dịch là kinh Vu-lan-bồn.

(Đời Tuệ Đế Pháp sư Pháp Cự dịch là kinh Quán Lạp, nên văn này nói: Đầy đủ trăm vị, năm thứ trái cây và các đồ dùng hương dầu đèn đuốc...)

Bản xưa ghi riêng, lại có một vị Sư dịch là kinh Báo Ân, y cứ theo hạnh thực hành mà đặt tên. Bản dịch ở đây sẽ giải thích chính là bản dịch đầu tiên. Tam tạng Nghĩa Tịnh nói: Ban ra nói từ miệng mình, tâm kia nhờ sự chỉ giáo hợp với căn cơ, nên gọi là Phật nói. Vu-lan là tiếng Tây Vực, Hán dịch Đảo Huyền (treo ngược). Bồn là âm Đông hạ, chính là đồ dùng để cứu giúp, hoặc tùy theo phong tục của địa phương nên nói cứu đảo huyền bồn (cứu khổ treo ngược). Đây là do hồn mẹ Tôn giả chìm trong đường tối tăm, vừa đói vừa khát mạng như treo ngược, cho dù oai linh của đệ tử bậc Thánh cũng không thể cứu giúp sự đau khổ. Phật dạy trong bồn đặt trăm thức ăn để hiến cúng ba ngôi báu, nhờ ân đức của đại chúng mà cứu nỗi khổ gấp treo ngược, tức lấy nghĩa này mà đặt tên kinh. Kinh gọi đúng là tuyền, nghĩa là Khế kinh, tuyền là sợi chỉ để xỏ hoa, sợi dọc để giữ sợi ngang, tức nghĩa sở thuyên như sợi ngang, ví như hoa. Văn năng thuyên để giữ gìn sự xâu suốt, nay thuận theo kinh sách của Trung Quốc thì dùng đề mục gọi là kinh, mượn nghĩa giúp tên, vẫn thêm chữ khế, ở đây giải thích phù hợp với luận Phật địa. Nghĩa là xuyên suốt trong hai nghĩa. Nghĩa là kết thành tràng trong năm nghĩa của luận Tạt Tâm.

2. Giải thích bản văn:

Phần giải thích bản văn chia làm ba:

- 1) Phần tự.
- 2) Phần Chánh tông.
- 3) Phần Lưu thông.

Vì sự phân chia ba phần nên sự phân chia của ngài Di Thiên phù hợp với Tây Vực, xưa nay cùng đều. Trong phần tựa ở đầu các kinh phần thường có hai lời tựa.

a) Tựa chứng tín:

Nói ta nghe Đức Phật nói pháp như vậy, khi nói, chỗ nói rõ ràng, đại chúng cùng nghe chẳng lầm, để làm chứng cứ khiến người khác nghe thọ. Kinh không có y cứ, không có chứng tín thì không truyền, do vậy ở đầu kinh phải có chứng tín, cho nên luận Trí Độ chép: Khi nói mới khiến cho người sinh tín.

b) Tựa phát khởi:

Là cách phát minh làm kính tin chánh tông. Như các loại lọng báu trong kinh Tịnh Danh và ánh sáng từ sợi lông trắng của kinh Pháp Hoa. Song chứng tín cũng gọi là tựa chung, các kinh đều giống nhau. Cũng gọi là bài tựa sau kinh. Khi Phật nói pháp thì chưa có. Phát khởi cũng gọi là tựa riêng, các kinh đều khác nhau, cũng gọi là bài tựa trước kinh, Phật trước tự phát khởi, mới nói phần chánh tông.

- Trước là tựa chứng tín:

Nghe như vậy, một thuở nọ, Đức Phật ngự trong vườn cây Cấp cô Độc, rừng cây Thái tử kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ, khi Phật sắp nhập Niết-bàn, A-nan thưa hỏi bốn việc, Đức Phật dạy nên để câu này, bốn việc đã hỏi, Đức Phật sẽ đáp từng câu một:

- Nướng vào bốn niệcm xứ.
- Lấy giới làm thầy.
- Mặc tẩn Tỳ-kheo có tánh xấu.

Ở đầu tất cả các kinh đều ghi: “Tôi nghe như vậy: Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại chỗ nào đó và chúng bao nhiêu người...” các kinh phần nhiều có đủ sáu thứ thành tựu. Văn hoặc thiếu hoặc lược nhưng nghĩa phải đủ. Sáu thứ thành tựu gồm:

1. Tín thành tựu.
2. Văn thành tựu.
3. Thời thành tựu.
4. Chủ thành tựu.
5. Xứ thành tựu.
6. Chúng thành tựu.

Sáu duyên này không đủ thì giáo pháp không hưng thịnh. Phải đầy

đủ sáu thứ này, cho nên nói thành tựu. Kinh này thiếu phần nêu chúng. Lại văn thành tựu ở đầu khác với kinh khác, đều là do ý của người dịch, hoặc nói pháp này ta nghe Phật nói, hoặc nói ta ở bên Phật nghe pháp như vậy, đều là từ ngữ chỉ cho pháp. Lại không nói tôi (ngã): Ý nói bậc Thánh đều chứng lý vô ngã. Các kinh có: Tức là A-nan tự chỉ năm uẩn là giả, không giống như ngã của tình chấp, cũng không có lỗi. Nghe nghĩa là nhĩ căn phát thức, nghe tiếng ngoài kia. Kế nói như vậy là tín thành tựu. Tín là nói việc ấy như thế, bất tín là nói việc ấy không đúng như thế, cho nên Tăng Triệu nói là lời tín thuận. Một thuở nọ: Thầy trò hội họp nói nghe rất ráo, gọi chung là Một thuở nọ, để phân biệt với lúc khác. Nghĩa là Như Lai nói kinh, bấy giờ có vô lượng, không thể nêu riêng. Một là ý nói rộng khắp nên chỉ nói Một.

Thời phần ở các nơi dài ngắn không nhất định, nên nói chung là Một thuở. Nhưng trong các kinh không chỉ định thời, mà phải chỉ định xứ, có khi giải thích dẫn đến khó khăn cho nên không dùng. Nay rõ ý kia, dùng xứ thì không ngoài mười sáu nước, tùy chỗ đến giáo hóa mà có số ấy, là để nêu lên chỉ bày. Thời thì có năm tháng, xuân thu, nóng lạnh, ngày đêm, dần, mảo, chốc lát, thay đổi nhanh chóng, chứa nhóm vô số lượng, không thể nói hết, khó nêu lên để chỉ bày. Phật, tiếng Phạm là Phật-đà, Hán dịch là Giác, là người hiểu rõ tánh tướng của chân vọng. Giác có ba nghĩa:

1. Tự giác ngã không: Để phân biệt với phàm phu.
2. Giác tha pháp không: Để phân biệt với Nhị thừa.
3. Giác mãn câu không hợp với bốn giác, gọi là rốt ráo giác, hoặc gọi Đại giác, Diệu giác, để phân biệt khác với Bồ-tát.

Tại Xá-vệ... là xứ thành tựu. Chân Đế ghi rằng: Trú xứ có hai:

1. Cảnh giới xứ: Vì hóa sinh vào dòng của thế tục.
2. Ý chỉ xứ: Chỉ chung tất cả chúng xuất gia.

Ban đầu là Xá-vệ, sau đó là Kỳ viên. Luận Bà-sa chép: Nêu Xá-vệ thì giúp người ở xa biết, nêu Kỳ viên thì giúp người ở gần biết. Xá-vệ, Hán dịch là Văn vật, nghĩa là đầy đủ các vật quý báu, người học rộng giải thoát, xa nghe các nước. Kinh Kim cương do Nghĩa Tịnh Tam tạng dịch gọi đại thành. Kỳ viên... tức là cây của Thái tử Kỳ-đà cúng, vườn do Trưởng giả Cấp Cô Độc mua. Kỳ-đà, Hán dịch là Chiến thắng, là Thái tử con vua Ba-tư-nặc. Khi Thái tử sinh, vua đánh nhau với nước ngoài được chiến thắng, do đó mà đặt tên. Cấp Cô Độc là hiệu của vị quan ông vốn tên là Tu-đạt-đa, Hán dịch là Thiện Thí, nói Cấp Cô Độc, chính là Thiện Thí, lại thường thực hành bố thí nên gọi là Thiện

Thí, người trong làng gọi ông bằng tên gọi đẹp đẽ Cấp Cô Độc. Nhưng vườn chính là do Tu-đạt mua, cây do Thái tử Kỳ-đà cúng, vườn chung cây riêng, trước hợp lại nêu vườn, nay vì lẽ có tôn ti khác nhau, nêu cây trước vườn sau. Tây quốc gọi tự (chùa) là Tăng-già-lam-ma, Hán dịch là chúng viên. Do Phật giáo truyền về phía Đông, ban đầu đến Trung Quốc, dừng lại chùa Hồng Lô, khách tăng nước ngoài từ từ đông hơn, phân tán ra ở nhiều chỗ ở khác, mà còn giữ hiệu cũ này thì đều gọi là Tự! Cấp Cô mua vườn và cây ấy: Kinh Niết-bàn chép: “Trưởng giả Tu-đạt là người đi hỏi vợ cho con, đến thành Vương xá, nhân thấy Phật phát tâm, mời Phật đến Xá-vệ nói pháp, Đức Phật sai Xá-lợi-phất theo Cấp Cô trở về, trước chọn trụ xứ, chọn được vườn của Thái tử Kỳ-đà, Trưởng giả hỏi mua, Thái tử nói đùa: Đem vàng lót khắp mới bán. Trưởng giả liền muốn giao vàng, Thái tử nói: Tôi nói chơi, liền nhờ người xử đoán việc này, người kia xử y theo lời nói trước đây, Trưởng giả chở vàng trải khắp, chỉ dư một góc, Thái tử thấy Trưởng giả không tiếc tài bảo, biết Phật là đáng tôn quý, liền cúng thí đất còn dư để lập tịnh xá, cúng thí cây trong vườn để làm bóng mát, hai người chung sức xây thành Tịnh xá, thỉnh Phật đến ở, nên gọi là Kỳ thọ... Thiếu chúng thành tựu vì văn sơ lược. Như kinh Vô Thường... nhưng có thời thì phải đủ đồ chúng, cuối kinh nói bốn chúng đệ tử vui mừng vâng làm.

- Sau Tựa phát khởi:

Phát khởi: Kinh này đã lấy hiệu thuận dứt khổ làm tông, nhờ duyên cứu mẹ mà làm phát khởi. Văn chia làm sáu:

- a) Mục-liên đã chứng đạo quả.
- b) Biết ân muốn báo đáp.
- c) Tìm kiếm khắp nơi.
- d) Thấy được nơi mẹ ở.
- e). Buồn lo khóc lóc đến cứu.
- f). Thói quen xấu hiện tiền.

a) *Mục-liên đã chứng đạo quả:*

Đại Mục-kiền-liên mới chứng được sáu thần thông, người này tên là Đại Mục-kiền-liên, đời Đường dịch là Thái Thúc Thị, nước ấy thời thượng cổ có vị Tiên thường ăn rau đậu, Tôn giả thuộc dòng họ ấy. Tên Ni-câu-luật-đà, tức là tên cây. Cha mẹ Tôn giả nhờ cúng tế thần cây này mà sinh tôn giả, nên lấy tên cây đặt tên Tôn giả. Tôn giả là con của quan phụ tướng trong thành Vương xá, người đương thời rất quý dòng họ ấy cho nên gọi là “Thị”. Mới chứng được sáu thần thông: Mới tức là vừa, vừa được Thánh đạo liền cứu độ cha mẹ. Vốn vì mẹ mà tu đạo, đạo

tuy không khác, nhưng bản nguyện mỗi người đều khác, cho nên các vị Thánh không hẳn đều như vậy. Sáu thần thông gồm:

Thần cảnh thông, trí chứng được cảnh thần, cũng gọi như ý thông, thân như ý mình, muốn đến thì đến ngay.

Thiên nhãn thông.

Thiên nhĩ thông, thấy được, nghe được, hoặc gần hoặc xa, nội chướng ngoại chướng, sắc, thanh...

Túc mạng thông: Biết được việc nhiều đời trước của mình và người.

Tha tâm thông: Đối với tâm định, tâm tán, hữu lậu, vô lậu, tất cả đều biết.

Lậu tận thông: Biết được trong thân lậu hết, sáu thứ đều không trệ ngại nên gọi chung là Thông.

b) Biết ân muốn báo đáp:

Muốn cứu độ cha mẹ, báo đáp ân bú mớm, độ là độ thoát, nhưng hai chữ báo ân chỉ là nêu chung hư vị. Độ thoát chính là sự báo ân ấy, bú là bú sữa mẹ, mớm là cho ăn. Nhưng cha mẹ có xa gần, ân có nhẹ nặng, báo có phần báo toàn báo. Xa thì bảy đời cho đến nhiều đời, gần thì ngay đời này. Bảy đời được Ngoại giáo tôn sùng, người do hình chất làm gốc, lưu truyền thể nối nhau, vì cha mẹ trở lên là bảy đời, chỉ tôn trọng cha. Theo chỗ y cứ của Phật giáo, thì người lấy linh thức làm gốc. Hình chất bốn đại là chỗ nương của linh thức, đời đời kiếp kiếp đều có cha mẹ, sinh dưỡng thân này, về trước cho đến cha mẹ bảy đời là bảy đời vậy. Nhưng chỉ gói gắm ở trong thai mẹ, từ khi sinh ra về sau bỗng ẵm, ôm ấp phần nhiều cũng là mẹ, cho nên nghiêng nặng về mẹ, vì vậy trong kinh chỉ nói báo đáp ơn bú mớm. Cho đến nhiều đời thì trong đó chỉ lấy tất cả cha mẹ sinh thân từ khi quy y Phật về sau, sinh ra thân ta tu đạo, khi các Đức Phật thành đạo, cha mẹ nhiều đời đều gặp gỡ nhau, nghe pháp được lợi ích. Ân có nặng nhẹ: Đời này cha mẹ nặng nhất, còn lại là nhẹ dần. Báo có phần báo, toàn báo một đời hầu hạ nuôi nấng là phần, độ thoát nhiều đời là toàn báo, cho nên kinh nói: “Vai trái công cha, vai phải mang mẹ, đi khắp mặt đất, cũng không thể báo đáp ân đó”. Cho nên biết sự báo đáp đời này là phần báo; dù cho đồng với Mạnh Tông, cùng loại với Đổng Vĩnh cũng chỉ là phần báo. Nay kinh nói: Muốn độ cha mẹ là ý giúp cho đắc đạo, muốn nói về toàn. Nói chung, nếu không báo đáp thì là người mắc tội bất hiếu, hưởng chi thêm việc nghịch, lại bàn phiếm ân của tất cả mọi người, kinh Hoa Nghiêm chép: Người không biết ân phần nhiều bị chết ngang trái. Kinh Quán

Phật Tướng Hải chép: Có ân không báo đáp là nhân A-tỳ, các ân còn như vậy, huống chi là cha mẹ, ân cha mẹ không thể so sánh, cho nên có bài thơ nói:

*“Ngọn gió vi vu lay động ngọn cỏ
Xót thương ân cha mẹ sinh ta”.*

Cho đến không có cha để nương cậy, không có mẹ để dựa nhờ, ra thì ngâm đắng, vào thì chưa đến, mẹ sinh ta ra, cha nuôi dưỡng ta, vỗ về ta, muốn ta khôn lớn, dạy dỗ ta, chăm sóc ta, nuông chiều ta, muốn báo đáp ân đức như vói lên trời cao không cùng. Cho nên Tam Tạng nói: Cha mẹ nghĩa cao trời, đất ân sâu như biển lớn. Vì thế nhất quyết phải ghi nhớ vào lòng, đền đáp ân đức công lao khó nhọc. Kinh Phụ Mẫu Ân Trọng chép: Cha mẹ ôm ấp mỉm cười chưa nói tiếng đùa, khi đói phải ăn chẳng phải mẹ không nhai, khi khát phải uống chẳng phải mẹ không cho bú... Tính kể ân mẹ như vói lên trời cao không cùng. Than ôi! Mẹ hiền làm sao báo đáp... còn đi đến đông tây, xóm làng, không thường về nhà, lòng mẹ hốt hoảng lo lắng, vú sữa chảy ra, liền biết ở nhà con ta nhớ ta, liền trở về nhà.

Hỏi: Xét văn Kinh này đơn giản mộc mạc, lại khuyên răn siêng những người nghèo hèn là vì sao?

Đáp: Quân tử tự mình hiểu thuận cho nên khuyên tiểu nhân. Lại nữa, quân tử có cái nghèo của gáo tre, đâu để phòng những việc lật vật! Lại nói những lời khó khăn gian khổ mới làm sáng tỏ được công lao nuôi dưỡng. Lại nói: Con trẻ xa thấy mẹ đến, hoặc ngồi trên xe nghiêng đầu hôn hờ, hoặc là kéo áo chạy theo. Than ôi! Người mẹ, mẹ vì con trẻ mà khom mình chịu thấp, lớn lên hai tay bốc cát đất, miệng thì khóc la, mẹ vạch áo đưa vú cho con bú. Mẹ thấy con thì vui, con thấy mẹ thì mừng, tình cảm mẹ con yêu thương rất nặng, chẳng gì hơn thế, đã sinh trưởng bạn bè theo nhau, chải đầu vuốt tóc muốn có áo đẹp che phủ thân con, áo xấu cũ rách cha mẹ tự mặc, vải lụa mới đẹp trước cho con mặc, cho đến đi lại việc quan, mau mau vội vàng, tâm nghĩ nam bắc ruổi theo con khắp nơi, trên đầu tóc rối. Con dần dần lớn khôn, thì đòi lấy vợ, sinh được con cái, đối với cha mẹ trở nên lơ là. Trong phòng cùng nhau nói chuyện vui vẻ, cha mẹ tuổi cao sức yếu, từ sáng đến tối không đến hỏi han, hoặc cha mẹ cô đơn ở riêng phòng trống, giống như người khách nương nhờ nhà người, thường không thương yêu, hoặc không áo mền lạnh lẽo cay đắng, gặp nguy nan quá lắm! Tuổi già sắc thân suy yếu thêm nhiều rận rệp, khuya sớm không nằm thở dài than vãn, đời trước tội gì, đời nay con bất hiếu. Hoặc khi cha mẹ gọi, nó trốn

mất tức giận, không chịu vâng theo, vợ con trách mắng cúi đầu ngậm cười. Phạm thiên, Đế Thích, các trời, nhân dân, tất cả chúng hội, nghe kinh vui mừng phát tâm Bồ-đề. Gào khóc động địa, lệ rơi như mưa. Lời bình rằng: Suy nghĩ kỹ việc kia thật thay lời nói đúng. Hoặc có mẹ mà không bằng đứa con này, không như người kia, trong trăm không có một. Vì chúng sinh vô minh từ vô thủy mê chân chấp vọng, vì cội gốc điên đảo, nhánh nhóc mỗi mỗi đều như vậy. Họa thay! Phàm ngu, làm sao độ được!

c) Tìm kiếm khắp nơi:

Liên dùng đạo nhân quán sát thế gian, là quán xét chỗ sinh là thiên nhân thông, do chứng đạo mà được cho nên nói là đạo nhân. Thế gian có hai: Nói ba cõi là khí thế gian, sáu đường là hữu tình thế gian, nhưng Tôn giả ngày mất mẹ còn là phàm phu, chẳng biết cha mẹ sinh về đường nào? Nay chứng quả Thánh có thể tìm cầu. Vì thiên nhân quán thấy từ trên xuống dưới trong ba cõi, tìm mẹ trong sáu đường, được thần thông liền quán, cho nên nói là liền.

d) Được thấy hiện tại:

Thấy vong mẫu kia đọa vào loài quỷ đói, không được ăn uống, chỉ còn da bọc với xương, vốn quán thế gian đều tìm cha mẹ, cha sinh về chỗ vui không nhờ cúng thí, đã chẳng phải tông chỉ của kinh cho nên ở đây không nói. Mẹ sinh đường quỷ đã thuộc ba đường, lại ở quỷ đói, là nơi khổ nhất của quỷ, dứt trừ khổ ấy chỉ có Vu-lan-bồn, phát khởi ý nghĩa chánh tông là ở đó. Đọa vào loài quỷ đói là quả dị thực, do đáp lại dẫn nghiệp. Không được ăn uống là quả đẳng lưu. Đáp lại dẫn nghiệp, là quả của nghiệp tham ăn. Còn da bọc xương là quả tăng thượng, y theo chánh lý mà luận: Quỷ vốn ở dưới năm mươi do-tuần của châu này, mỗi bề cũng bằng như vậy. Có quỷ Diêm-ma-la, từ đây xoay vần đến khắp các phương khác, ở nhân gian một tháng thì cõi này là một ngày, nương vào sự chứa nhóm nhiều năm nhiều tháng này mà sống lâu năm trăm tuổi. Nhưng quỷ có ba loại:

1. Vô tài quỷ: vì không có phước đức nên không được ăn.
2. Thiếu tài quỷ: được chút ít thức ăn uống ngon.
3. Đa tài quỷ: được nhiều thức ăn uống ngon.

Ba thứ quỷ này mỗi thứ lại có ba:

1. Quỷ miệng đước: Lửa thường cháy hừng hực từ trong miệng tuôn ra, do đời trước đốt cháy xóm làng, thiêu đốt người hiền lương. Vì việc cầu tài vật này mà đọa vào địa ngục. Từ địa ngục ra lại đọa vào loài quỷ này. Cho nên kinh Chánh Pháp Niệm chép: “Niếu người san

tham, ganh ghét chiếm đoạt tài vật của người, phá thành quách của người, giết hại tịch thu, cướp bóc được tài vật, dâng lên vua quan, càng thêm hung bạo, đọa trong loài quỷ lửa cháy.

2. Quỷ cổ nhỏ như lỗ kim: Bụng lớn như núi, cổ nhỏ như lỗ kim, do phá trai ăn đêm, trộm cắp thức ăn của chúng Tăng, cho nên kinh Trai Pháp Thanh Tịnh chép: Ngài Mục-liên đi giữa đường gặp mấy trăm muôn con quỷ, đầu lớn như ngọn núi to...

3. Quỷ miệng thối: Trong miệng có mùi hôi thối, tự làm ác chịu khổ, vì thường ham danh lợi, tự cho mình phải, người khác quấy, khen ngợi người ác, chê bai người hiền thiện. Y theo ba loại này, thà nuốt hoàn sắt nóng chứ không ăn dùng của tín thí, quỷ của thiếu tài có ba thứ là:

* Quỷ lông kim: Lông nhọn như kim, khi đi liền tự chích, vì tham lợi, nên châm cứu đại và chích súc sinh, chỉ vì cầu tài chứ không mong cho người hết bệnh.

* Quỷ lông thối: Lông nhọn hôi thối, tự nhỏ chịu khổ, vì buôn bán heo dê, chưng hầm ngỗng vịt, nước sôi nung nấu rã ra từng mảnh, đau khổ khó chịu nổi, tội địa ngục hết rồi lại đọa vào đường quỷ này.

* Quỷ bước lớn: Cổ nhỏ bấu lớn, tự móc lấy mủ mà ăn, do ganh ghét với người thường, ôm lòng tức giận.

Quỷ Đa tài có ba loại là:

1. Quỷ được độ vất bỏ: thường được thức ăn do cúng tế vứt bỏ, vì tội nhiều phước ít, ít cúng thí, nặng về san tham, đồ vật quăng bỏ, mới đem cho người.

2. Quỷ được mắt: Thường được thức ăn còn sót lại, trong hang cùng ngõ hẻm, đối với tài vật hiện tại thường sinh tham đắm, nghĩ sắp mất rồi mới xả.

3. Quỷ Thế lực: Như quỷ Dạ-xoa, La-sát, Tỳ-xá-xà... được hưởng các sự giàu có, an vui giống như trời, người, hoặc nương rừng cây, hoặc ở trong hang núi, hoặc ở linh miếu, hoặc ở hư không, thân thẳng bay đi, thuộc về đường quỷ, các thứ biến hóa này là do nhân địa tội phước không rõ ràng, nhân khổ vui xen nhau. Trong Phó Pháp Tạng chép: Tỳ-kheo, Tăng-già-da-xá, đi bên bờ biển lớn thấy cung điện tuyệt đẹp, cung điện ấy có khóa hai con quỷ... Nay mẹ của tôn giả, chính là quỷ miệng lớn trong quỷ vô tài.

Lại có chỗ nói: Ngạ quỷ có ba loại:

- Chướng bên ngoài: Khi được gặp nước liền thấy một người cầm dao, gậy... làm chướng ngại.

- Chướng bên trong: Miệng có đước lửa, hoặc cổ nhỏ như lỗ kim.

- Vô chướng: Thấy sông là lửa dữ, hoặc ăn phần nhơ, hoặc tự cắt thịt thân mình mà ăn... nay mẹ của tôn giả đang bị chướng bên ngoài. Trên đây các quỷ đều do nhân hạnh của tự tâm vờ lấy, quả báo chắc chắn có ứng nghiệm. Ví như bóng và tiếng vang do nơi thân và âm thanh, dù cho cha mẹ cho đến bà con cũng không thể thay thế nhau được. Vì thế những người hiểu biết nên mỗi người khích lệ tâm mình. Nếu gặp duyên tốt không nên bỏ qua. Một mai qua đời thì ai là người tu hành. Dù nương nhờ con cháu bầy phần chỉ được một, hưởng chi không có con hiếu thảo! Hối hận sao tìm được! Vả lại phàm phu đời vẫn đực ít người có tâm nhân hiếu, chỉ lo vợ con, đâu nghĩ đến (u linh) linh hồn người chết. Người nghèo hèn bị ép ngặt vì đói lạnh. Người giàu sang bị mê loạn bởi tài sắc, dù cho có thể truy phước đức thì lại nhàm chán công khóa nhiều, hết sức hết lòng muôn người không có một, đường đời tận mắt trông thấy đâu không xét rõ! Cho nên kinh Ân Trọng chép: Vợ chồng hòa hợp cùng gây ra năm tội nghịch, lúc ấy kêu gọi mau mau đi nhanh. Lời của cha mẹ kêu mười trái hết chín, không vâng theo lời, mắng nhiếc tức giận sống còn như vậy, chết rồi có thể biết. Mình đã bất nhân thì con mình làm sao hiếu được! Cho nên xưa có người tiễn đưa ông nội lên rừng vắng, còn giữ xe trở về, đem chuyện xưa xét việc nay tuy đường đi dấu vết khác nhau mà lòng thì giống nhau.

e) *Cảm động khóc đến cứu:* Mục-liên buồn rầu liền lấy bát đựng cơm đem đến dâng cho mẹ. Bi ai: công ơn sinh thành nuôi dưỡng nặng như trên đã nói, chết rồi chia biệt, cách đời bỗng nhiên gặp lại, dù muốn dung nhan như cũ cũng đáng khóc lóc buồn thương, hưởng chi thấy hình quỷ da bọc xương, trong miệng khói lửa, trong bụng trống rỗng, khổ như treo ngược mạng chỉ thở hổn hển, đâu không thể nghiền thân đấm ngực khóc lóc gào thét, hận tội nghịch chỉ biết an nhàn trước mắt, đau xót sự chịu khổ của mẹ mình. Kinh nêu ý chung chỉ nói buồn thương. Xét kỹ lúc bấy giờ sao nghi không như thế! Cho nên Tam Tạng khoa nói là suy động. Giải thích rằng: Cảm động thấu xương tủy, kêu gào động trời đất. Bưng bát cơm đến cho mẹ ăn: mẹ đã kéo dài hơi thở thường rơi vào khốn khổ đói khát, vừa đói lại vừa khát, đúng lý phải cứu giúp, cứu đây là gấp cơm ăn là trước, cho nên lấy bát đựng cơm đem đến dâng mẹ.

f) *Thối xấu hiện còn:*

Mẹ được bát cơm liền đưa tay trái che bát, tay phải bốc ăn, cơm chưa vào miệng hóa thành than lửa đỏ hồng nên không ăn được. Cảnh tùy tâm thay đổi, quả dựa vào nghiệp mà thành. Nhân đói khát chưa dứt

thì duyên no đủ đâu có được! Quý là miệng đước, thức ăn gắp miệng mà hừng hực, nước thành băng cứng, băng gắp nước sôi mà cứng như vậy. Cho nên biết thần lực không cấm được nghiệp lực. Dứt đói khát quan trọng lại dứt san tham, cho nên sáu thần thông đến dâng cơm mà với lấy tai ương, trăm vị bày biện trong bồn mà chịu khổ. Lớn thay nghiệp chín muồi suy nghĩ được ư! Nay tay trái che bát tham sợ xâm chiếm các thứ khác, tay phải bốc cơm tham lam chỉ để mình ăn, tham lam dữ dội hiện hạnh như vậy. Cơm canh duyên kém làm sao mà cứu giúp! Cho nên hóa thành lửa không ăn được. Trên đây phần tựa đã xong.

I. PHẦN CHÁNH TÔNG:

Văn phần chánh tông chia làm hai:

- Mục-liên buồn rầu trình bày khổ nguy.
- Như Lai rộng bày lý do.

1. Mục-liên buồn rầu trình bày nguy khổ:

Mục-liên kêu gào buồn rầu than khóc trở về bạch Phật, kể lại đầy đủ như vậy. Con vôi vàng bày tỏ với cha, thần vôi vàng tỏ ý với vua, năng lực mình không thể, lý phải tìm đến Đức Phật, đệ tử siêng quán bốn đế, đã chứng ba minh, ngược lại có thể che núi sông, xoay chuyển mặt trời, mặt trăng, đầu lường trước mẹ chịu cực khổ! Mạng như treo ngược, con hiếu hết sức chí thành, dùng hết thần biến mà cuối cùng vẫn không thể dứt trừ ác báo, tạm cứu bụng đói. Cho nên kêu gào than khóc vôi vàng trở về, trình thưa đầy đủ, đau xót thành khẩn.

2. Như Lai nói rộng bày lý do, có tám:

Như Lai rộng bày lý do. Lại nương vào ba tạng, đại khái chia làm tám đoạn:

1. Nói về tội lỗi của người mẹ rất nặng.
2. Nói đức con kém.
3. Quở trách tà đạo không có năng lực.
4. Nói lên có khả năng.
5. Hứa khả cứu vớt.
6. Chỉ bày chánh pháp.
7. Con hiếu lĩnh ngộ.
8. Mẹ được lợi ích.

1. Nói tội lỗi người mẹ rất nặng:

Phật dạy, mẹ ông gốc tội sâu dày. Trong kinh nói: Thời Đức Phật Định Quang, Mục-liên tên La-bặc (Bố) mẹ tên Thanh-đề lúc La-bặc sắp đi dặn dò mẹ rằng: Nếu có khách đến mẹ nên chuẩn bị đãi cơm đầy

đủ. Khi La-bốc đi rồi, khách đến thì người mẹ không cung cấp, mà nói dối là có cúng dường thức ăn. Con trở về hỏi: Hôm qua khách đến sao mẹ không làm đầy đủ, mẹ nói: Con không thấy bữa tiệc đó ư! Từ đó về sau trong năm trăm đời san tham nối nhau, cho nên nói rằng tội nặng sâu dày. Tội là nghiệp của thân, miệng, căn là lòng san tham, nhiều đời nối tiếp nhau là sâu. Liên với nhau vững chắc khó mở ra gọi là kết. Từ san tham khởi lên đều là tội nghiệp. Chẳng phải chỉ vào thời ấy một lần nói dối. San tham là gốc khổ, việc làm là nghiệp khổ, quý đỏi là quả khổ, là ba đường. Nếu y theo mười giới trọng, thì san cũng là nghiệp, chỉ có tham là gốc, dấy lên tội nghiệp.

Hỏi: Trong năm trăm đời san tham nên làm người làm quý phải không.

Đáp: Người quý xen nhau, tạo chịu giúp nhau hoặc chỉ cho thân người không gọi là ác báo, hoặc chỉ có thân quý không nên tạo nghiệp, hoặc chỉ là súc sinh đối với lý không ngại. Nhưng thói san tham không dứt nên gọi là nối nhau.

Hỏi: Mục-liên từ thời Phật Định Quang đến nay, mẹ sinh ra không phải một, vì sao chỉ cứu Thanh-đề kia!

Đáp: Thanh-đề và Mục-liên có nhân duyên sâu sắc, đời nay lại là mẹ của Mục-liên, chỉ cứu mẹ đã sinh ra thân đời này chẳng phải cứu Thanh-đề đời xa xưa hay sao? Các luận nói đều là chưa đạt.

2. Nói con đức kém:

Chẳng phải một mình năng lực của ông mà làm gì được, mẹ ông tâm san tham, tham với tất cả, thời gian trải qua nhiều đời, sự việc trải qua nhiều người, một mình ông làm sao cứu vớt được!

3. Quả trách tà đạo không có năng lực:

Ông tuy hiếu thuận nói tiếng khắp cả trời đất, thiên thần, địa kỳ, ngoại đạo, tà ma, đạo sĩ, bốn Thiên vương thần, cũng không thể làm thế nào được. Tam Tạng nói: Cho dù ông cảm đến thiên linh ở cõi trên, động đến địa kỳ ở phương dưới, dù nhiếp tà ma hoạnh la ngoại đạo, chung cả sáu hợp làm cùng một nhà, gom chung tám bộ làm thành chúng. Nhập lại thần lực kia cũng không làm thế nào được! Đạo sĩ ngoại đạo là đạo sĩ của ngoại đạo. Phân biệt với đạo sĩ của nội đạo. Phật giáo lúc đầu truyền đến Trung quốc, gọi tăng là đạo sĩ. Bốn Thiên vương là Tỳ-sa-môn... giữ gìn thế giới.

4. Nói lên có khả năng:

Phải nhờ đức oai thần của chúng tăng trong mười phương mới được giải thoát. Tam tạng nói: một sợi tơ không thể tạo tượng, phải nhờ

nhiều sợi tơ. Một người không thể trừ nghiệp, phải nhờ nhiều đức. Nay nói rõ văn kinh trước sau, do tà chánh, một nhiều đối nhau mới có bốn trường hợp:

a) Chánh nhưng không nhiều, đây không thể cứu được. Trước một mình ông chẳng làm thế nào được.

b) Nhiều nhưng chẳng chánh cũng không thể cứu được, tức là trước thần kỳ, tà ma ngoại đạo....ở trước.

c) Vừa nhiều vừa chánh: Thì mới cứu được, tức là mười phương tăng.

d) Không nhiều không chánh, rõ ràng không thể, cho nên không có trong văn kinh.

5. *Hứa khả cứu vớt*: Nay Ta sẽ nói pháp cứu giúp, khiến tất cả các tai nạn đều không còn lo lắng buồn khổ. Nay sẽ nói: chính là lời đồng ý. Pháp cứu giúp: Là việc hứa khả. Khiến cho tất cả... là cái nỗ ngàn cân, không riêng là chuột chù phát cơ, tôn quý của ba cõi, đâu chỉ giúp cho mẹ ông lia khổ?

6. *Chỉ bày chánh pháp*: Trong chỉ bày chánh pháp chia làm hai:

a) Trước dạy pháp hiến cúng của người con hiếu.

b) Sau dạy nghi thọ cúng của chúng tăng.

- Trong phần đầu lại có năm:

* Chọn lúc tốt.

* Phát tâm cao siêu.

* Bày cúng dường đúng pháp.

* Khen ngợi ruộng tốt.

* Được lợi ích tốt đẹp.

Nghĩa là ngày tự tứ là lúc tốt. Như mặt trăng mùa xuân, tâm hiếu là ý tốt. Như hạt giống tốt mới, trăm món ăn năm thứ trái cây... là cúng dường đúng pháp. Như trâu cày giỏi lấy đó cúng dường. Như có thể cày cấy, hiền Thánh là ruộng tốt. Như đất phì nhiêu, cha mẹ bà con quyến thuộc còn và mất, cho đến bảy đời xa lia khổ sinh lên cõi trời là lợi ích tốt đẹp. Như ngàn chái muôn học, mùa thu gặt hái, mùa đông cất giữ. Ý Văn kinh mạnh mẽ, đâu không phải như thế! Người trí thấy rõ, như chỉ tay trong lòng bàn tay.

Trước chỉ dạy pháp cúng dường của người con hiếu, có năm:

1. *Chọn lúc tốt*:

Phật bảo Mục-liên ngày rằm tháng bảy là ngày chúng tăng trong mười phương tự tứ. Tiếng Phạm là Tăng-già, Hán dịch là Chúng hòa hợp, nghĩa là nếu chúng mà không hòa, như những người buôn bán,

các quan lại và quân đội... đều không gọi là Tăng bảo. Nếu hòa mà không đủ chúng, như hai người cùng một lòng, cũng chẳng phải Tăng bảo. Chúng mà hòa hợp là nhân phước đức, mới gọi Tăng bảo. Hòa hợp ở đây có sáu thứ là thân hòa đồng sự, ngữ hòa đồng mặc, ý hòa đồng nhãn, giới hòa đồng tu, kiến hòa đồng giải, lợi hòa đồng quân. Nhà Nho nói tiểu nhân quân tử, hoặc là hòa hoặc là đồng. Nay Tỳ-kheo Thích tử vừa hòa vừa đồng. Nay nói mười phương: Pháp không hạn cuộc đâu ngăn cách thân sơ. Chúng Tăng: Tiếng Phạm đời Đường chú trọng nêu lên sự khiêm tốn của người dịch. Ngày rằm tháng bảy: an cư ba tháng hạ xong thì tự tứ, tự tứ có ba ngày: đó là ngày mười bốn, mười lăm, mười sáu, ở đây nêu lên ngày ở giữa. Đây thừa chữ tăng, bỏ đi thì câu lại thiếu, cũng là chỗ sai của người dịch. Vì sao không nói khi cùng tự tứ! Tự tứ là lỗi của mình tha hồ được người khác nêu ra, nghĩa là một hạ an cư, chín tuần gia hạnh, không chứng bốn quả thì cũng được bốn thiên, Đức Phật lập ra giáo môn bốn ý như thế, chúng Tăng thời chánh, tượng mặt pháp đều như vậy. Tuy sau năm trăm năm, cũng có vị giữ giới tu phước. Nhưng muốn thoát khỏi biển khổ thì phải cẩn thận giữ gìn phao nổi, vẫn còn sợ hạn cuộc vào bến mê, phải nhờ sự quán xét được mắt ở bên ngoài. Dù không dứt hoặc chứng quả nhưng vẫn hy vọng tội diệt phước sinh, vén y bày vai phải ở trong chúng bạch đại đức trưởng lão, hoặc thấy lỗi của tôi, hoặc nghe tội của tôi, hoặc nghi tôi có phạm, xin tha hồ nêu lên, thương xót nói cho con, con sẽ sám hối, như thế thì thân tâm thanh tịnh, giống như lưu li, hướng chi thiên định giải thoát đều được, cúng dường người này thì lực dụng có thể biết là dường nào, đâu không thể cứu được người còn kẻ mất, giúp đỡ hiện tại? Cho nên Tam tạng nói: Ngày thọ tuế (nhận tuổi hạ) của Tỳ-kheo là lúc đại chúng tự tứ, chúng Tăng phần nhiều chứng được một trong bốn quả, cho nên có khả năng cứu độ trong bảy đời.

2. Phát ý cao siêu:

Sẽ vì cha mẹ bảy đời và cha mẹ hiện tại đang trong cơn nguy khốn, sẽ vì là tâm năng cứu, cảnh sở cứu của bảy đời về sau. Y theo cảnh mà nói về tâm nên nói là thắng. Về bảy đời cha mẹ sở sinh không giống nho giáo chọn lấy tổ tông đời trước. Trong cơn nguy nan, là chung cho kẻ còn người mất, mất thì địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, còn thì đau ốm giam cầm, đều gọi nguy nan. Cha mẹ bảy đời mặc dù đã xa, đều là người đã sinh ta tu đạo, đã nhờ nuôi dưỡng sao lại phụ công ơn sâu dày! Cho nên tam tạng nói: Trời đất che chở, đã không sợ mệt nhọc, âm phủ và dương gian chìm đắm trong biển khổ, lý hợp với đáp là không cùng.

3. Bài cúng dường đúng pháp:

Sắm sửa đồ cúng dường đúng pháp, cơm đủ (thức ăn) một trăm vị năm thứ trái cây các thứ đồ dùng tắm gội dầu thơm, đèn đuốc, đồ nằm, ghế ngồi, tất cả đồ ngon ngọt để vào trong bồn cúng dường đại đức chúng tăng trong mười phương. Cơm đủ trăm vị là nêu chung, như người sắm bữa tiệc lớn mời khách đến chỉ nói ăn cơm, cho nên cơm là gồm chung trăm vị. Trăm là số nhiều chẳng phải nhất định một trăm. Năm thứ quả là:

1. Quả có hạt như táo, hạnh, đào, mận...
2. Quả có da như dưa hấu, lê, táo...
3. Quả có vỏ cứng như hồ đào, thạch lựu...
4. Quả có vỏ cám như tô nhậm...
5. Quả có sừng như củ ấu, đậu...

Như trên đều dùng lưới để nếm vị. Vật để múc nước là những đồ dùng để tắm gội và ghế ngồi, đồ nằm, đều do thân cảm biết. Hương là mùi do mũi ngửi, dầu đèn đuốc... là vật đốt. Dùng mắt thấy được, cũng có thể là thoa dầu thơm vào thân, cũng thuộc về thân, Tây Vực như thế. Tất cả thứ ngon ngọt trên đời cũng thuộc về lưới. Từ trên đến đây trong năm thứ ham muốn chỉ thiếu âm thanh. Từ ngữ trên đời là rõ ràng ý thú kia, có hai thứ tận: là giàu sang thì sở hữu của suốt đời, có thì phải cầu, nghèo hèn thì hết sức làm cho bằng được và phải tìm kiếm, biết được vật không nhất định nhiều ít, chỉ làm hết lòng mình, cũng giống như kia thụ hưởng đối với việc chí thành làm sáng tỏ đạo đức. Để trong bồn là người dịch kinh lầm, làm sao ghế ngồi để trong bồn chẳng được! Nên nói: để trong hội cúng Vu-lan. Hai câu cúng dường là nói về hạnh. Theo bốn ý của kinh thì chỉ đem vật thọ dụng được để cúng dường đại đức tăng, không cần vòng ngọc điêu khắc chạm trổ, lụa là quý giá... cho nên Tam Tạng nói: ông phải sắm đủ bốn việc, như vật đẹp tám thứ quý báu, trải qua mười phương mà vận dụng tư tưởng, lắng lòng mà cúng dường.

4. Khen ngợi ruộng tốt:

Vào ngày này tất cả Thánh chúng, hoặc đang thiền định trong núi, hoặc chứng được bốn đạo quả, hoặc đang kinh hành dưới gốc cây, hoặc chứng được sáu thông tự tại, chỉ dạy giáo hóa Thanh văn, Duyên giác, hoặc Bồ-tát Thập địa đại nhân quyền hiện Tỳ-kheo ở trong đại chúng đều cùng nhau nhất tâm nhận cơm trong bát hòa-la, đầy đủ Thánh chúng giới đức thanh tịnh. Hai câu đầu y theo lúc người khen ngợi mà nêu chung, hai câu cuối dùng oai nghi khen ngợi người mà tổng kết.

Chặng giữa người pháp có năm cặp đối nhau, nhưng vẫn không có thứ lớp nghĩa là xứ có trong núi, dưới cây chứng có cặp bốn quả, sáu thông, hạnh có cặp lợi mình, lợi người, học có cặp giới, định, người cặp có lớn, nhỏ, cũng gọi đối quyền, thật, lại nói chung không ngoài người pháp. Nói đối ba học, ba thừa, từ ban đầu cho đến bốn quả thiền định. Kế là từ hoặc ở dưới cho đến tự tại giáo hóa trí tuệ, đều giống như ba câu tịnh giới ở dưới. Ba thừa: Tức là Thanh văn, Duyên giác, thập địa đại nhân, đều cùng nhất tâm là ý hòa hợp. Nghĩa là khi thọ cúng đều cùng đem hết tâm hổ thẹn, ân nặng, tâm từ bi cứu giúp báo ân. Người thì tuy địa vị có phạm Thánh, đức có tốt, kém, mà sự vận tâm thì một không khác, nên nói là đồng. Nhận cơm bát hòa-la: Cơm trong bát, tiếng Phạm nói Bát-đa-la, Hán dịch là Ứng lượng khí chữ hòa là sai. Thời nay chỉ gọi bát là nói lược. Đề kinh nói bồn, tức là bát. Khi dịch tùy theo phong tục, tựa đề nói là bồn, bồn và bát đều là đồ đựng. Tam Tạng giải thích đề dịch là “cứu khí”, câu này trong kinh nói tự tứ đại đức nhận cúng Vu-lan-bồn.

5. *Được lợi ích tốt đẹp:*

Nếu có cúng dường chúng Tăng tự tứ này cha mẹ bà con quyến thuộc đời này, được ra khỏi khổ ba đường (ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh) ứng thời giải thoát, cơm áo tự nhiên. Hoặc cha mẹ hiện tại: Phước lạc trăm năm, hoặc cha mẹ bảy đời được sinh lên cõi trời, hóa sinh tự tại lên tầng trời Thiên Hoa Quang. Vừa xướng kinh này có hai ý nhỏ: một nửa đầu tiên: nhờ năng lực của bi nguyện mà xa lìa khổ, một nửa sau là nhờ năng lực của từ nguyện mà được vui, trong vui có sự khác nhau giữa người còn và mất.

Đầu tiên nói chúng Tăng tự tứ này là chỉ năm cặp trước đã nói. Cha mẹ hiện tại là chỉ cho cha mẹ sinh ra thân này, chẳng phải nói chưa mất gọi là đời nay, cho nên chỉ được lợi ích là ra khỏi ba đường. Cha mẹ hiện tại chưa mất trở xuống tự có vẫn nói phước lạc một trăm năm, không nên lại nêu tam tạng hiểu lầm, cho nên giải thích khác, rất chẳng phải ý văn. Sáu thân là cha, mẹ, anh, em, chồng, vợ, quyến thuộc, tất cả thân thích là kể cả trong ngoài. Giải thoát ra khỏi ba đường là nói chung xa lìa khổ. Cơm áo tự nhiên là vượt qua ba đường, sinh lên cõi trời, cõi người, cho nên thuộc vẫn cứu khổ, cũng có thể được vui thuộc đời sau. Hoặc cha mẹ trở xuống là nói còn mất được vui, lời văn rất dễ hiểu. Thiên Hoa Quang là ánh sáng nhiệm mầu trên trời, lược chỉ cho sự vui sướng.

6. *Hai là chỉ dạy nghi thức chúng Tăng thọ cúng dường.*

Đức Phật bảo chúng Tăng mười phương, trước tiên chú nguyện cho thí chủ, nguyện cha mẹ bảy đời, hành thiền định ý rồi, sau đó nhận thọ thực. Khi chưa thọ thực, trước để trước Phật trong chùa tháp, chúng Tăng chú nguyện xong thì tự mình thọ thực. Trong đây, nửa trước là thanh tịnh ba nghiệp, nửa sau là đầy đủ Tam bảo, trước chú nguyện là khẩu nghiệp, thiền định là ý nghiệp, thọ thực là thân nghiệp. Trong phần sau, trước sau mới ăn, luật pháp như thế, tức là chữ thọ cũng thuộc pháp. Tháp: là từ ngữ sai của quốc gia vùng biên giới, nói đúng phải là Tốt-đổ-ba, Hán dịch là Cao hiển xứ, trong đây ý chung cho điện tháp, tháp để xá-lợi, điện thờ tượng Phật.

7. Người con hiếu lãnh ngộ:

Lúc bấy giờ, Tỳ-kheo Mục-liên và chúng Đại Bồ-tát đều rất vui mừng, Mục-liên không còn buồn rầu khóc lóc, tịnh nghiệp đã thành thì chắc chắn lìa khổ. Xét nhân nghiêm quả như tiếng dội không sai, cho nên vui mà nín khóc. Như hình ngục ở đời dạn dò người có sức mạnh, tiền của đã được thì làm cho tâm vui.

8. Mẹ hiền được lợi ích:

Lúc bấy giờ, mẹ ngài Mục-liên, ngay trong ngày đó được thoát khổ quỷ đói trong một kiếp, Mục-liên nghe kinh chính là được sự chỉ dạy cúng dường Vu-lan, hợp với lúc khác, ở đây nói theo thứ lớp bèn là thoát quỷ đói, là người dịch kinh lược bỏ, ứng hợp với chánh tông chỗ cuối cùng nhà kết tập ghi rằng: Lúc bấy giờ, Mục-liên nghe như vậy, pháp này đã đến ngày rằm tháng bảy, sắm sửa đồ cúng dường Vu-lan, cúng dường chúng tăng tự tứ rồi, mẹ ngài Mục-liên ngay trong lúc ấy được thoát khổ quỷ đói trong một kiếp, cho nên văn nghĩa đều hiển rõ. Cho nên Tam tạng nói: Con hiếu đã dâng cúng vào buổi sáng này, người mẹ bèn dứt được ương lụy ngay ngày ấy. Rộng lớn thay năng lực của bậc Thánh, nhanh chóng như thế. Quỷ đói kia chịu khổ trải qua nhiều kiếp, đợi xem xét rồi sẽ trình bày.

II. PHẦN LƯU THÔNG:

Phần lưu thông có ba:

1. Thân thỉnh.
2. Tán thỉnh.
3. Đáp thỉnh.

* **Bày thỉnh:** Mục-liên lại bạch Phật rằng mẹ con, nhờ công đức Tam bảo và năng lực oai thần của chúng tăng, nếu đời vị lai tất cả đệ tử Phật thực hành pháp Vu-lan-bồn để cứu độ cha mẹ, hiện tại cho đến cha

mẹ bảy đời, làm như vậy được hay không? Khi nói lời này cũng là sau khi sắm sửa đồ cúng dường, chẳng phải việc trong một lúc, đến hang Tất-bát-la, mới bắt đầu tổng tập thành kinh. Mục-liên thương mẹ ngài và người khác, như Đĩnh Khảo Thúc can ngăn Trang công...

* **Khen thỉnh:** Phật dạy: lành thay khéo hỏi, ta đang muốn nói, thì ông lại hỏi, câu đầu là nêu sự khen ngợi, lành thay khéo hỏi là hợp với lòng ngài, hai câu sau giải thích lý do, vì đang muốn nói liền gặp lời hỏi. Căn cơ cảm nhau, bí mật ứng nhau, cho nên nói khéo, bản ý của Phật là muốn nói đạo hiếu rất lớn, cứu khổ việc quan trọng, pháp Vu-lan cao quý, Đức Thế Tôn thấy duyên tốt căn cơ của đại chúng đã chín muồi có thể giáo hóa.

* **Đáp thỉnh:** (đáp lại sự thỉnh mời): có năm.

1. *Chỉ dạy khởi hạnh:*

Này người thiện nam! Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, quốc vương, Thái tử, đại thần, tể tướng tam công, các quan, muôn dân, thứ nhân thực hành từ hiếu đều trước nên vì cha mẹ đời này, cha mẹ bảy đời quá khứ, ngày rằm háng bảy ngày là Phật vui mừng, ngày chúng Tăng tự tứ, để thức ăn trăm vị vào bồn Vu-lan để cúng dường chúng tăng tự tứ trong mười phương, tuy phẩm vật sang hèn ngăn cách đạo xuất gia tại gia khác nhau nhưng tự chẳng phải loài hóa sinh, loài thấp sinh, đều có cha có mẹ, loài chim anh vũ còn biết nhớ ân, hướng chi đạo luân thường của con người mà không cứu khổ! lợi hại của hiếu đã nói đầy đủ, đã biết đúng sai phải y theo chánh đạo, cho nên nói rằng nên trước vì người đã sinh ra ta. Theo quy định thì dạy phải làm, không làm thì trái với quy định. Vì thế cũng nên đối với chế giáo, tức là vì phán giáo trước cũng thuộc về luật tạng. Nhưng Đức Phật không buồn vui, ngày này ngoài thị hiện vui vẻ là ứng với cơ duyên. Vì Đức Phật ra đời vốn chỉ vì khuyên người tu hành, thấy người làm ác thì buồn, thấy người tu thiện thì vui, nay các Tỳ-kheo chín tuần gia hạnh, ngày viên mãn lại càng chí thành, trong tam thiên đại thiên thế giới đều cùng như thế xứng với bản ý của Phật, tốt nhất là vui vẻ, ngày này sắm sửa cúng dường được phước rất lớn.

2. *Chỉ dạy phát nguyện:*

Nguyện cho cha mẹ hiện tại sống lâu trăm năm không bệnh tật, không có lo lắng tất cả khổ não, cho đến cha mẹ bảy đời lia khổ nạn quý, sinh lên cõi trời, phước lạc vô cùng, tu hành phải nhờ hạnh môn, điều đạt được phải từ tâm nguyện, nguyện là sự ưa muốn của tâm, muốn được người còn kẻ mất đều an ổn, người còn bảo đảm sinh mạng

ở đời, thường không bị bệnh tật khổ não. Người mất thần thức sinh lên cõi trời, lìa hẳn đường tối tăm, hạnh nguyện giúp nhau, không có chỗ nào không được lợi ích.

3. Chỉ dạy thường làm:

Là đệ tử Phật tu hạnh hiếu thuận: Trong mỗi niệm thường (nhớ) nghĩ đến cha mẹ, cho đến cha mẹ bảy đời, mỗi năm đến ngày rằm tháng bảy, thường vì từ hiếu nghĩ đến cha mẹ đã sinh ra ta, thực hành Vu-lan-bồn cúng Phật và chúng tăng, để báo đáp công ơn sinh thành nuôi dạy thương mến của cha mẹ, là đệ tử Phật tu hạnh hiếu thuận rõ ràng trái lại với người chẳng phải đệ tử Phật và bất hiếu, mặc ý không sấm đồ cúng dường Vu-lan. Mỗi niệm thường nhớ nghĩ là không trước sau. Nuôi lớn là việc, thương mến là tâm, cho nên trước khởi hạnh và phát tâm nguyện báo đáp công ơn cha mẹ. Ngoài ra vẫn rất dễ hiểu. Tam tạng nói: cha mẹ kết ái mỗi niệm không lìa tâm, con hiếu báo ân, hằng năm không dứt sự cúng dường.

4. Khuyên thọ trì:

Nếu tất cả các đệ tử Phật, phải vâng hành đúng pháp này. Luận Trí Độ chép: sức tin là thọ, sức niệm là trì, nay nói phụng tức là nghĩa của thọ, nên phải là cố gắng hai năng lực này.

5. Vui mừng mà vâng làm:

Lúc bấy giờ, Tỳ-kheo Mục-liên và bốn chúng đệ tử, vui mừng vâng làm. Bốn bối là Tăng, ni, cư sĩ nam, nữ, hoặc nói: người, trời, rồng, quỷ, nghi cả hai trường hợp này, nhưng hễ là sinh linh thì đều phải nương dựa, cho nên ân cha mẹ bằng với trời đất, đây tuy chí hiếu không được pháp môn ấy, nay được phương thuốc thần diệu, tin biết là linh nghiệm thì chắc chắn trừ được nguy hiểm khó khăn trong bảy đời, báo đáp công lao của cha mẹ, tự biết lòng mình có chỗ, vì thế vui mừng vâng làm theo.

VU LAN KINH SỚ

Thiền sư Khuê Phong đời Đường, biết đạo hiểu phải dùng lời để chú kinh. Giải thích rộng hạnh chân hiệu của Đạo Phật, khiến người học phải báo đáp công ơn cha mẹ, không rơi vào sự hiểu biết khác, nhập vào thừa tối thượng của Phật, cho nên cao tăng nhiều đời, vào ngày tứ tử chỉ dạy người xuất gia tại gia, thiết hội Vu-lan làm bề nổi độ cha mẹ, thật là vâng theo lời sớ kinh đây, vui mừng cùng Từ Tự, Đông hiệu liêm kết thành hoàng pháp hội tập, các tế quan cư sĩ tiếp tục khắc in.

Trong đề mục ba trăm quyển, thích hợp lời sớ chưa khắc này, Lý Thái Bộc quyển tiền khắc bản. Tôi xem xét tạng nam bắc, câu văn không giống, nay y theo quyết định bản khắc của Đại sư Vân Thê, Đại sư chia khoa tiết mục ra phương pháp khác, nhưng Nam Bắc so sánh nhiều chỗ sai lầm nên không thể ghi chép, chỉ vài lời bạt giúp người xem xét chẳng những biết chỗ giống nhau và khác nhau của câu văn, mà còn nhờ ngón tay thấy được mặt trăng, được ý nghĩa báo ân đại hiệu của Phật, đó là sở nguyện.

Lời Bạt của Sa-môn Kế Khánh ở Tuyết Sơn thuộc Xích Thủy, Quý Châu.

Lược truyện về người soạn sớ.

Thiền Sư Khuê Phong Tông Mật ở núi Chung Nam, người huyện Tây Sung, thuộc Quả Châu, họ Hà, sinh vào niên hiệu Kiến Trung năm đầu đời Đường, tuổi nhỏ đã hiểu thông sách Nho, hai mươi tuổi đã nguyện cứu sách Phật. Niên hiệu Nguyên Hòa thứ hai Sư sắp đi thi thì tình cờ đến chỗ Hòa thượng Đạo Viên ở Toại Châu đang giảng pháp, vui vẻ khế hội, liền cầu khai mở, ngay năm đó thọ giới cụ túc, truyền khế tâm ấn. Lại tham học khắp những vị có tài năng, để mở rộng tri kiến, soạn sớ sao các kinh như kinh Viên Giác, kinh Hoa Nghiêm, kinh Niết-bàn, kinh Kim cương, luận Khởi Tín, luận Duy Thức, kinh Vu-lan, Pháp giới quán, hạnh nguyện... và sớ tập thiền ngôn của các tông. Soạn Thiền Nguyên Thuyên và trả lời thơ kệ nghị luận... tất cả hơn trăm quyển, lưu truyền ở đời. Trong niên hiệu Thái Hòa, đời vua Văn Tông, vua ban chiếu vào cung ban cho y tím, vua thường hỏi pháp yếu, kẻ sĩ kính mến, tìm mời về núi, đến ngày mồng sáu tháng giêng niên hiệu Hội Xương năm đầu, Sư ngồi nhập diệt tại tháp viện Hưng Phước, bốn chúng buồn rầu khóc lóc đau đớn, phụng toàn thân Khuê Phong trà-tỳ, được mấy mươi hạt xá-lợi rất to và sáng, thờ trong hang đá sáu mươi hai tuổi đời, ba mươi bốn hạ lap, vua Tuyên Tông truy ban thụy hiệu Định Tuệ Thiền sư, tháp tên

Thanh Liên, Sư có soạn bài kệ:

*Làm việc có nghĩa là tâm tĩnh ngộ Làm việc vô nghĩa,
là tâm cuồng loạn Cuồng loạn theo tình niệm
Khi mất bị nghiệp dẫn Tĩnh ngộ không
theo tình
Khi mất chuyển được nghiệp.*

